

NGHỊ QUYẾT

Quy định danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên từ năm học 2025-2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên từ năm học 2025-2026; Báo cáo thẩm tra số 229/BC-BVHXXH ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Ban Văn hóa-Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động

giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên từ năm học 2025-2026.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên từ năm học 2025-2026 theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em học tại các trường mầm non; học sinh học tại các trường phổ thông, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập (sau đây gọi là cơ sở giáo dục công lập).

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Nghị quyết này không áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập tự chủ về chi thường xuyên và chi đầu tư.

Điều 2. Các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục có quy định mức trần, cụ thể như sau:

TT	Các khoản thu	Đơn vị tính	Mức trần				
			Trẻ em mầm non	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Học sinh học tại các Trung tâm GDNN-GDTX
1	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em ngày thứ Bảy, trong hè (cha, mẹ hoặc người đại diện của trẻ em có nhu cầu)	đồng/trẻ em/ngày	35.000	Không	Không	Không	Không
2	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ (cha, mẹ hoặc người đại diện của trẻ em có nhu cầu)	đồng/trẻ em/giờ	10.000	10.000	Không	Không	Không

TT	Các khoản thu	Đơn vị tính	Mức trần				
			Trẻ em mầm non	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Học sinh học tại các Trung tâm GDNN-GDTX
3	Làm quen với tiếng Anh (đối với trẻ em trong độ tuổi Mẫu giáo khi cha mẹ trẻ hoặc người đại diện của trẻ em có nhu cầu)						
3.1	100% giáo viên là người Việt Nam	đồng/trẻ em/hoạt động	10.000	Không	Không	Không	Không
3.2	50% giáo viên là người Việt Nam, 50% giáo viên là người nước ngoài	đồng/trẻ em/hoạt động	25.000	Không	Không	Không	Không
4	Nước uống	đồng/trẻ em, học sinh/tháng	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000
5	Hoạt động giáo dục Ngoại ngữ cho học sinh lớp 1, lớp 2 (áp dụng đối với môn ngoại ngữ tự chọn và học sinh có nhu cầu)	đồng/học sinh/tháng	Không	40.000	Không	Không	Không
6	Trông giữ xe cho học sinh (Học sinh có nhu cầu và loại xe phù hợp với lứa tuổi theo quy định của pháp luật)	đồng/học sinh/tháng	Không	(Học sinh lớp 4, lớp 5) xe đạp: 10.000	Xe đạp: 10.000; xe đạp điện 15.000	Xe đạp: 10.000; xe đạp điện, xe máy: 15.000	Xe đạp: 10.000; xe đạp điện, xe máy: 15.000

2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục không quy định mức trần, cụ thể như sau:

- a) Các khoản thu, chi dịch vụ ăn uống, bán trú;
- b) Dịch vụ đưa đón người học;
- c) Tiền điện sử dụng điều hòa;
- d) Dịch vụ giáo dục hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp (hoạt động ngoại khóa);
- đ) Hoạt động giáo dục tiếng Anh tăng cường ở trường phổ thông; Ngoại ngữ 2 ở trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông;
- e) Dịch vụ bồi dưỡng về văn hóa, nghệ thuật, thể thao; hoạt động giáo dục kỹ năng sống; hoạt động giáo dục STEM/STEAM; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI) thực hiện đối với học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

Điều 3. Cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập

1. Cơ chế thu

a) Các cơ sở giáo dục công lập trên cơ sở hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền được thỏa thuận với cha, mẹ hoặc người đại diện của trẻ em, học sinh để thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại Điều 2 Nghị quyết này nhưng phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng mục đích, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập trên từng địa bàn. Mức thu căn cứ trên cơ sở dự toán chi phí, nội dung chi và phải được thỏa thuận bằng văn bản với cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện.

b) Các khoản thu được thực hiện định kỳ hằng tháng. Các khoản thu tại khoản 1 Điều 2; điểm b, c, d, đ, e khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này thu tối đa 9 tháng/năm học; các khoản thu tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này thu theo số tháng thực học đối với cơ sở giáo dục mầm non, thu tối đa 9 tháng/năm học đối với cơ sở giáo dục phổ thông.

c) Trường hợp xảy ra tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật, cơ sở giáo dục công lập không tiếp tục thực hiện được dịch vụ thì phải hoàn trả số tiền đã thu nhưng chưa thực hiện dịch vụ.

2. Quản lý thu, chi

a) Quản lý, sử dụng các khoản thu, chi phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp.

b) Các nội dung thu, chi; việc quản lý, sử dụng các khoản thu phải đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, thỏa thuận, tự nguyện, phù hợp, thống nhất, thu đủ chi.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVII Kỳ họp thứ Ba mươi hai nhất trí thông qua ngày 10 tháng 10 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực XI;
- Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử đại biểu nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, CVTh.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn